

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 28-7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em

2. Bà Trần Thị Lệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Số 55/19 đường C, phường R, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 55/19 đường C, phường R, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/06/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà và ông Phạm Thanh H quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/11/2003. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau này cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng là vào khoảng tháng 03/2025; nguyên nhân theo bà L cho rằng ông H ghen tuông nên đánh đập bà, bà đã nhiều lần giải thích nhưng hoà giải không thành. Do nhận thấy không thể tiếp tục

chung sống hạnh phúc nên bà L muốn ly hôn với ông H. Bà L xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung là Phạm Hùng Minh, sinh năm 1999 và Phạm Mỹ Duyên, sinh năm 2015.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh H; Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Phạm Hùng M do đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Tại Biên bản hòa giải ngày 11/7/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Thanh H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về việc kết hôn và con chung. Ông H cho rằng bà L có quan hệ tình cảm với đàn ông khác nên ông mới nóng giận, có hành vi đánh đập bà L. Ông xác định tình cảm vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, ông vẫn còn yêu thương vợ con và mong muốn các con có cuộc sống hạnh phúc, có cả cha lẫn mẹ nên không đồng ý ly hôn.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về vấn đề ly hôn, thì ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Phạm Thanh H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phạm Thanh H là bị đơn cư trú tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và Ông Phạm Thanh H tự nguyện tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay

là phường R, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/11/2003, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Tại phiên tòa hai bên xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, thiếu tôn trọng lẫn nhau; ông H thừa nhận hành vi đánh vợ do ghen tuông là sự thật. Bà L cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và bà không còn tình cảm với ông H nên muốn chấm dứt hôn nhân. Ông H lại khẳng định vẫn còn yêu thương vợ và muốn cho các con có được sự chăm sóc đầy đủ của cả cha lẫn mẹ nên ông không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện trong hôn nhân gia đình là rất quan trọng, điều này là yếu tố quyết định cuộc hôn nhân có bền vững và hạnh phúc hay không; nếu một bên không đồng ý tiếp tục hôn nhân thì đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay qua hòa giải, động viên bà L vẫn kiên quyết ly hôn với ông H, do đó dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà L và ông H thống nhất xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung là Phạm Hùng M, sinh ngày 17/8/1999 và Phạm Mỹ D, sinh ngày 01/02/2015. Đối với con chung tên Phạm Hùng M do đã thành niên và có khả năng tự lao động, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Phạm Mỹ D; xét thấy trong thời gian bà L và ông H sống ly thân với nhau cho đến nay thì cháu D do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L xác định có đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con về mọi mặt và cháu D cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo về mặt tâm lý và cuộc sống ổn định hiện tại của cháu D, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu D cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đúng với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà L không có yêu cầu.

Bà L cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Các lời khai của bà L và ông H đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các lời khai của bà L và ông H đều thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn bà Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014661 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - An Giang), bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đối với bị đơn ông Phạm Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Phạm Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Mỹ D, sinh ngày 01/02/2015 cho bà Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Bà L cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0014661 ngày 16/6/2025 của Chi cục

Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - An Giang), bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- THADS khu vực 1 – An Giang;
- UBND phường R;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm